

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HSST

Ngày 30/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Việt Dũng
2. Ông Nguyễn Thanh Bắc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/HSST ngày 10/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn H; tên gọi khác: Không; sinh năm 1993; ĐKKHKT: Xóm T, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Hoàng Văn B (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1951; Có vợ là Hoàng Thị M, sinh năm 1989; Con: 01 con sinh năm 2021. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

- Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962 (vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: Xóm P, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm Ba Giăng, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Phan Thị H1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm D, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố P, Thái Nguyên

(Điều vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hoàng Văn H là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định. Từ ngày 17/8/2023 đến ngày 20/8/2023, H đã nhiều lần trộm cắp tài sản tại Cửa hàng điện máy Lực N của ông Nguyễn Văn L (sinh năm: 1962, trú tại: xóm P, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) đem bán lấy tiền mua chất ma túy sử dụng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 17/8/2023, H một mình điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, Biển kiểm soát (BKS): 19P1-100.26 đi từ nhà ra đường Q đi theo hướng tỉnh Tuyên Quang - Thái Nguyên. Khi đi tới đoạn đường thuộc xóm P, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, do trời mưa nên H điều khiển xe mô tô đi vào Cửa hàng Đ của ông L để trú mưa. Thấy cửa hàng đã đóng cửa, tại vị trí nhà kho cạnh cửa hàng không có cửa, không có tường bao, tại nền kho có để nhiều thiết bị là các bộ P máy cày đất tay (bằng kim loại, có lưỡi sắc dùng để cày, bừa đất ruộng), H nảy sinh trộm cắp những bộ P máy cày trên để đem bán lấy tiền mua chất ma túy sử dụng cho bản thân. H điều khiển xe mô tô vào đỗ tại nền nhà kho, dùng tay bê một bộ Phay máy cày đặt lên yên xe mô tô rồi chở đến Cửa hàng thu mua sắt vụn của bà Nguyễn Thị X1 (sinh năm 1960, trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên) để tiêu thụ. Tại đây, H gặp và đã bán được cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc

Giang (là con rể của bà X1) 01 bộ Phay máy cày đất tay nêu trên được số tiền 300.000 đồng. Sau đó, H đi mua chất ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/8/2023, H một mình điều khiển xe mô tô, BKS:19P1-100.26 đi từ nhà đến Cửa hàng Đ, mục đích để tiếp tục trộm cắp những chiếc Phay máy cày đất tay nêu trên. Đến nơi, quan sát thấy không có ai trông coi nhà kho nên H điều khiển xe mô tô đi thẳng vào phía bên trong nhà kho, quay đầu xe ra phía ngoài cửa kho, sau đó H dùng tay bê 01 bộ P máy cày đặt lên yên xe mô tô của H rồi chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Phan Thị H1 (sinh năm:1982, trú tại: xóm A, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) tại xóm D, xã P, huyện Đ bán bộ P máy cày trên cho chị H1 được số tiền 350.000 đồng. Sau đó, H dùng số tiền trên đi mua chất ma túy sử dụng cho bản thân và chi tiêu cá nhân hết.

+ *Lần thứ ba:* Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 20/8/2023, H tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS: 19P1 - 100.26 đi từ nhà đến Cửa hàng Đ để tiếp tục hành vi trộm cắp Phay máy cày đất tay nêu trên. Quan sát thấy nhà kho không có người trông coi, H điều khiển xe mô tô đi thẳng vào phía bên trong nhà kho và quay đầu xe ra phía bên ngoài cửa kho, sau đó H đi đến vị trí để những bộ P máy cày đất tay rồi bê 01 bộ đặt lên yên xe mô tô và chở thẳng đến cửa hàng thu mua sắt vụn của anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1973, thuộc xóm B, xã B, huyện Đ bán được cho anh L1 được số tiền 320.000 đồng. Sau đó, H đem số tiền trên đi mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện sự việc bị mất 03 bộ P máy cày, ông L đã làm đơn trình báo đến Công an xã B, huyện Đ đề nghị giải quyết vụ việc .

Ngày 22/8/2023, Hoàng Văn H giao nộp cho Công an xã B- huyện Đ một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius RC, màu sơn đen-trắng-vàng, BKS:19P1- 10026, đã cũ, đã qua sử dụng.

Xét thấy vụ việc có dấu hiệu của tội phạm, Công an xã B đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 23/8/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ đã tiến hành thu giữ được 02 bộ Phay máy cày đất tay do chị Phan Thị H1 và Nguyễn Văn T giao nộp. Còn 01 bộ phay máy cày đất tay, H bán cho anh Nguyễn Văn L1 vào ngày 20/8/2023, thì anh L1 đã bán bộ P máy cày đất tay này cho người không quen biết, đến nay chưa thu giữ được.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2023 và Công văn số 27/CV-HĐĐG ngày 20/11/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận:

+ Giá trị của 03 bộ phay máy cày đất tay tại thời điểm tháng 08/2023 là 2.300.000 đồng/01 chiếc. Tổng giá trị của 03 bộ phay máy cày đất tay là 6.900.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của ông L như nêu trên. Lời khai của bị can H phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu giữ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác định hiện trường, Kết luận định giá tài sản, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 07/CT- VKSNDĐT ngày 06/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định truy tố Hoàng Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ giữ nguyên bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Văn H từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* *Về vật chứng vụ án*: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Truy thu của Hoàng Văn H số tiền 970.000 đồng sung công quỹ nhà nước, là số tiền bị cáo đã bán số tài sản trộm cắp được và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu sơn đen trắng vàng, BKS: 19P1 – 100.26 mang tên Hoàng Văn H.

* *Về phần dân sự*: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn L số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng). Chị Phan Thị H1 và anh Nguyễn

Văn T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 02 bộ P máy cày nêu trên và không yêu cầu H bồi thường.

* *Về án phí*: Bị cáo H phải chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo H đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Trong các ngày các ngày 17/8/2023, 19/8/2023, 20/8/2023 tại địa bàn xóm P, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Hoàng Văn H đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản (gồm: 03 bộ P máy cày đất tay) của ông L, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 17/8/2023, H đã trộm 01 bộ phay máy cày đất tay, trị giá 2.300.000 đồng. Hiện đã thu hồi được bộ P máy cày đất tay và trả lại cho ông L.

+ *Lần thứ hai*: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/8/2023, H tiếp tục trộm cắp 01 bộ phay máy cày của ông L, trị giá 2.300.000 đồng. Hiện tài sản là bộ P máy cày đất tay đã thu hồi được và trả lại cho ông L.

+ *Lần thứ ba*: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 20/8/2023, H tiếp tục trộm cắp 01 bộ P máy cày đất tay, của ông L, trị giá 2.300.000 đồng. Hiện bộ P máy cày đất tay này chưa thu hồi được.

Tổng giá trị tài sản mà H trộm cắp của ông Nguyễn Văn L là 6.900.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Hoàng Văn H đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3]. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

Nội dung điều luật quy định như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng:

- Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần. Bị cáo H là thanh niên ham chơi, đua đòi, lười lao động, nghiện ma túy do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên đã đi vào con đường phạm tội.

- Đối chiếu các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi của mình nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt: Đối với Hoàng Văn H, xét về tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng mức hình phạt tù cách ly bị cáo Hoàng Văn H ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có

ích cho xã hội. Mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp và cần được chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Văn T, chị Phan Thị H1, anh Nguyễn Văn L1 là người mua các bộ Phay máy cày dất tay do H trộm cắp, đem bán. Quá trình điều tra xác định anh T, chị H1, anh L1 không biết số tài sản này là do H trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T, chị H1, anh L1.

Đối lời khai của H: Sau khi đem bán các bộ Phay máy cày được tiền, H đến khu vực Khu công nghiệp S ở thành phố P, khu Đ - thành phố T mua chất ma túy của người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch nên cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ không có căn cứ điều tra, xử lý.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu của của Hoàng Văn H số tiền 970.000 đồng sung công quỹ nhà nước, là số tiền bị cáo đã bán số tài sản trộm cắp được và đã tiêu xài cá nhân hết.

+ Đối với vật chứng 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu sơn đen trắng vàng, BKS: 19P1 – 100.26 mang tên Hoàng Văn H là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về phần dân sự: Đối với 01 bộ phay máy cày dất tay chưa thu hồi được trả cho bị hại nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo H bồi thường cho bị hại số tiền 2.300.000đồng theo Biên bản định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2023 và Công văn số 27/CV-HĐĐG ngày 20/11/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; *Xử phạt*: Hoàng Văn H: 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn L số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Truy thu của Hoàng Văn H số tiền 970.000 đồng sung công quỹ nhà nước, là số tiền bị cáo đã bán số tài sản trộm cắp được và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu sơn đen trắng vàng, BKS: 19P1 – 100.26 mang tên Hoàng Văn H.

(Hiện số vật chứng trên được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 07 ngày 06/01/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ)

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 về án phí, lệ phí

Toà án: Bị cáo Hoàng Văn H phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí dân sự vào Ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- UBND xã La Bằng
- Bị cáo, bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Quyên